

PHỤ LỤC
Danh mục Dữ liệu chủ chuyên ngành, Dữ liệu dùng chung
và Dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

A. DANH MỤC DỮ LIỆU CHỦ CHUYÊN NGÀNH

Dữ liệu chủ chuyên ngành là dữ liệu chủ (master data) được áp dụng trong một lĩnh vực chuyên ngành cụ thể, bao gồm các thông tin cơ bản nhất để mô tả các đối tượng cốt lõi của lĩnh vực đó và được sử dụng làm cơ sở để tham chiếu, đồng bộ hóa giữa các cơ sở dữ liệu (CSDL) khác nhau. Là dữ liệu do các cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên trực tiếp xây dựng hệ thống, quản lý, cấp mã định danh và chịu trách nhiệm về tính chính xác (Không sử dụng phần mềm tập trung của Bộ).

STT	Tên Cơ sở dữ liệu (CSDL)	Đơn vị chủ quản	Phạm vi & Ghi chú
I	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ		
1	CSDL Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Quản lý đề tài, dự án KHCN cấp tỉnh/cơ sở; Kết quả nghiên cứu.
2	CSDL Chuyên gia Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Hồ sơ nhà khoa học, chuyên gia công nghệ trên địa bàn.
3	CSDL về Thông tin và Truyền thông.	Sở Khoa học và Công nghệ	Mạng lưới bưu cục, trạm BTS, tuyến cáp quang, mã bưu chính (đến cấp xã/thôn), nhân lực CNTT, thiết bị CNTT.
II	SỞ CÔNG THƯƠNG		
4	CSDL Khu, Cụm công nghiệp, Khu kinh tế	Sở Công Thương	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu kinh tế phối hợp thực hiện
5	CSDL ngành Công Thương	Sở Công Thương	Quản lý dữ liệu về công nghiệp và thương mại.
III	THANH TRA TỈNH		
6	CSDL Khiếu nại, Tố cáo và tiếp công dân	Thanh tra tỉnh	Hồ sơ đơn thư, quá trình giải quyết khiếu nại tố cáo từ cấp Xã lên Tỉnh.
7	CSDL Kết luận Thanh tra	Thanh tra tỉnh	Các kết luận thanh tra kinh tế - xã hội, kiến nghị và kết quả thực hiện kết luận.
8	CSDL kê khai Tài sản Thu nhập	Thanh tra tỉnh	Bản kê khai tài sản của đối

			tượng thuộc diện tỉnh quản lý (Kiểm soát theo quy định).
IV	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
9	CSDL Mạng lưới trường lớp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Từ Mầm non đến THPT, GDTX.
10	CSDL Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quản lý Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học
11	CSDL Kiểm định chất lượng giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quản lý chất lượng giáo dục
12	CSDL Giáo dục nghề nghiệp địa phương	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường nghề, trung tâm do tỉnh quản lý.
V	SỞ Y TẾ		
13	CSDL Nhân lực y tế địa phương	Sở Y tế	Nhân lực địa phương
14	CSDL An toàn thực phẩm (Cơ sở SXKD thực phẩm)	Sở Y tế	Quản lý an toàn thực phẩm
VI	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG		
15	CSDL Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi tiết đến cấp xã.
16	CSDL Giá đất (Bảng giá và Giá cụ thể)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Phục vụ tính thuế, đền bù.
17	CSDL Quan trắc tài nguyên và môi trường (Trạm tỉnh)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Dữ liệu quan trắc tự động của tỉnh.
18	CSDL Nguồn thải và cơ sở gây ô nhiễm môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ sở thuộc thẩm quyền tỉnh cấp phép.
19	CSDL Tài nguyên nước (Cấp phép, Xả thải)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Giấy phép tài nguyên nước do tỉnh cấp.
20	CSDL Khoáng sản và Địa chất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Mỏ, điểm mỏ, cấp phép khai thác vật liệu xây dựng.
21	CSDL Đa dạng sinh học	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Khu bảo tồn thiên nhiên địa phương.
22	CSDL Thủy lợi và Nước sạch nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hồ đập, kênh mương, trạm cấp nước.

23	CSDL Sản phẩm OCOP	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hồ sơ, hạng sao sản phẩm.
24	CSDL Đề điều và phòng, chống thiên tai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các điểm xung yếu về đề điều, Kế hoạch phòng chống thiên tai.
25	CSDL Kinh tế hợp tác và Trang trại	Sở Nông nghiệp và Môi trường	HTX Nông nghiệp, trang trại.
VII	SỞ NỘI VỤ		
26	CSDL Tổ chức, bộ máy	Sở Nội vụ	Thông tin về tổ chức, bộ máy
27	CSDL Hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ	Sở Nội vụ	Thông tin về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ
28	CSDL Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ	Hồ sơ khen thưởng cấp Tỉnh/Nhà nước.
29	CSDL Quản lý đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC	Sở Nội vụ	Quản lý đào tạo CBCCVC
30	CSDL Tài liệu lưu trữ lịch sử	Sở Nội vụ	Kho lưu trữ tỉnh.
31	CSDL Thanh niên và công tác thanh niên	Sở Nội vụ	Quản lý về công tác đoàn
32	CSDL người có công với cách mạng	Sở Nội vụ	Dữ liệu người có công
33	CSDL người lao động nước ngoài.	CSDL người lao động nước ngoài.	CSDL người lao động nước ngoài.
34	CSDL Mộ liệt sĩ và nghĩa trang liệt sĩ (Địa phương)	Sở Nội vụ	Quản lý hạ tầng nghĩa trang tại tỉnh.
VIII	SỞ XÂY DỰNG		
35	CSDL Quy hoạch	Sở Xây dựng	Quy hoạch chung, phân khu, chi tiết 1/500.
IX	SỞ TÀI CHÍNH		
36	CSDL Hộ kinh doanh cá thể	Sở Tài chính	Quản lý đăng ký kinh doanh (Thay cấp huyện).
37	CSDL Hợp tác xã (Phi nông nghiệp)	Sở Tài chính	Cấp phép HTX.
38	CSDL Dự án Đầu tư công (Vốn ngân sách tỉnh)	Sở Tài chính	Vòng đời dự án đầu tư công (từ chủ trương đến quyết toán).
39	CSDL quản lý ngân sách	Sở Tài chính	Dữ liệu ngân sách là dữ liệu nghiệp vụ tài chính phục vụ công tác quản lý, điều hành và tổng hợp ngân sách nhà nước trên

			địa bàn tỉnh, bao gồm các phân hệ như thu ngân sách, chi ngân sách, dự toán, cam kết chi, tiền gửi, và các nghiệp vụ tài chính liên quan
40	CSDL Quản lý tài sản công	Sở Tài chính	Đất, nhà, xe, tài sản cố định của tỉnh.
41	CSDL Giá và Thẩm định giá	Sở Tài chính	Giá thị trường địa phương.
X	SỞ TƯ PHÁP		
42	CSDL Giám định tư pháp	Sở Tư pháp	Dữ liệu giám định tư pháp
43	CSDL Trợ giúp pháp lý	Sở Tư pháp	Dữ liệu về trợ giúp pháp lý
44	CSDL Đấu giá tài sản	Sở Tư pháp	Dữ liệu đấu giá
XI	SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH		
45	CSDL Di sản văn hóa (Di tích, Di sản phi vật thể)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Dữ liệu Di sản văn hóa
46	CSDL Cơ sở lưu trú và Dịch vụ du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Khách sạn, Homestay, Khu điểm du lịch.
47	CSDL Lễ hội và Sự kiện văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Lễ hội đình chùa....
48	CSDL Gia đình (Phòng chống bạo lực gia đình)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Dữ liệu phòng chống bạo lực
49	CSDL Thành tích thể thao địa phương	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hoạt động thể thao địa phương
50	CSDL Quảng cáo (Biển bảng)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quản lý quảng cáo

B. DANH MỤC DỮ LIỆU DÙNG CHUNG

Dữ liệu dùng chung là dữ liệu được tiếp cận, chia sẻ, khai thác, sử dụng chung trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Dữ liệu được kết nối, chia sẻ mặc định qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) để các cơ quan khai thác chéo, giảm thiểu giấy tờ và báo cáo thủ công. Bao gồm (1) Dữ liệu tỉnh nhập liệu trên phần mềm của các Bộ, ngành

Trung ương (Hộ tịch, Đất đai, Lý lịch tư pháp...) cần kết nối về tỉnh; (2) Dữ liệu tỉnh tạo lập cần chia sẻ cho các sở, ban, ngành và xã, phường trên địa bàn tỉnh.

STT	Tên Dữ liệu dùng chung	Cơ quan Chia sẻ (Nguồn)	Cơ quan Khai thác (Đích)	Mục đích sử dụng chính
I	NHÓM DỮ LIỆU TỪ HỆ THỐNG QUỐC GIA (Tỉnh nhập liệu/Khai thác)			
1	Dữ liệu Dân cư và Định danh (VNeID)	Bộ Công an	Toàn tỉnh	Xác thực nhân thân, TTHC.
2	Dữ liệu Cư trú	Bộ Công an	Cấp xã và các sở, ngành	Quản lý dân cư, an ninh trật tự.
3	Dữ liệu Hộ tịch điện tử (Khai sinh, kết hôn...)	Bộ Tư pháp	Sở Tư pháp, Y tế, cấp xã	Quản lý hộ tịch, thống kê dân số.
4	Dữ liệu Văn bản quy phạm pháp luật	Bộ Tư pháp	Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành, cấp xã	Quản lý, cập nhật, khai thác VB QPPL
5	Dữ liệu Lý lịch tư pháp (Án tích)	Bộ Công an	Công an tỉnh, Sở Nội vụ	Cấp phiếu LLTP, tuyển dụng.
6	Dữ liệu Xử lý vi phạm hành chính	Bộ Công an	Sở Tư pháp, Công an, Thanh tra	Theo dõi tái phạm, thi hành quyết định.
7	Dữ liệu Thi hành án dân sự	Bộ Tư pháp	Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Phối hợp cưỡng chế, xác minh.
8	Dữ liệu Đăng ký Doanh nghiệp	Bộ Tài Chính	Thuế	Quản lý doanh nghiệp sau đăng ký.
9	Dữ liệu Đầu tư nước ngoài (FDI)	Bộ Tài Chính	Sở Tài chính	Quản lý dự án FDI.
10	Dữ liệu Đấu thầu qua mạng	Bộ Tài Chính	Các chủ đầu tư	Công khai đấu thầu.
11	Dữ liệu Quản lý Ngân sách (TABMIS)	Bộ Tài chính	Sở Tài chính, UBND tỉnh	Giám sát thu chi ngân sách.
12	Dữ liệu Mã số thuế	Tổng cục Thuế	Các sở, ngành	Xác thực thông tin thuế.
13	Dữ liệu Hóa đơn điện tử	Tổng cục Thuế	Sở Tài chính, Cơ quan quản lý thị trường	Chống thất thu thuế.
14	Dữ liệu Quản lý Nợ công	Bộ Tài chính	Sở Tài chính	Quản lý nợ chính

				quyền địa phương.
15	Dữ liệu Đất đai (VBDLIS/eMonre)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế, cấp xã	Quản lý đất đai, tính thuế.
16	Dữ liệu Nền địa lý quốc gia	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở ngành	Nền bản đồ số dùng chung.
17	Dữ liệu Hồ sơ cán bộ, công chức (QG)	Bộ Nội vụ	Sở Nội vụ	Đồng bộ CSDL Quốc gia về CBCCVC.
18	Dữ liệu Hộ nghèo, Hộ cận nghèo (QG)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường, cấp xã, BHXH tỉnh	Thực hiện chính sách an sinh.
19	Dữ liệu Người có công (QG)	Bộ Nội vụ	Sở Nội vụ	Thực hiện chính sách ưu đãi.
20	Dữ liệu Lao động - Việc làm (QG)	Bộ Nội vụ	Sở Nội vụ	Quản lý thị trường lao động.
21	Dữ liệu Bảo trợ xã hội (QG)	Bộ Y tế	Sở Y tế	Chi trả trợ cấp.
22	Dữ liệu Trẻ em (QG)	Bộ Y tế	Sở Y tế	Bảo vệ, chăm sóc trẻ em.
23	Dữ liệu Bảo hiểm xã hội, BHYT	BHXH Việt Nam	Y tế, Nội vụ	Khám chữa bệnh, chế độ chính sách.
24	Dữ liệu Khám chữa bệnh (Liên thông)	Bộ Y tế	Sở Y tế	Quản lý KCB, chuyển tuyến.
25	Dữ liệu Tiêm chủng quốc gia	Bộ Y tế	Y tế, Giáo dục, Xã	Quản lý tiêm chủng.
26	Dữ liệu Dược Quốc gia	Bộ Y tế	Sở Y tế	Quản lý thuốc, giá thuốc.
27	Dữ liệu An toàn thực phẩm (QG)	Bộ Y tế	Các ngành	Thanh kiểm tra ATTP.
28	Dữ liệu Học sinh, Giáo viên (CSDL Ngành)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quản lý giáo dục, học bạ số.
29	Dữ liệu Văn bằng chứng chỉ (QG)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Xác minh văn bằng.
30	Dữ liệu Giấy phép lái xe	Bộ Công an	Công an	Cấp đổi, xử lý vi phạm.
31	Dữ liệu Đăng kiểm phương tiện	Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng, Công an	Kiểm soát phương tiện.

32	Dữ liệu Đăng ký xe (Ô tô)	Bộ Công an	Sở Xây dựng, Thuế	Quản lý phương tiện.
33	Dữ liệu PCCC & CNCH (QG)	Bộ Công an	Công an tỉnh, Xây dựng	Thẩm duyệt PCCC.
34	Dữ liệu Ngành nghề kinh doanh có điều kiện an ninh trật tự	Bộ Công an	Công an tỉnh	Quản lý ANTT.
35	Dữ liệu Mã số vùng trồng (QG)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Xuất khẩu nông sản.
36	Dữ liệu Sở hữu công nghiệp	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ; Cơ quan quản lý thị trường	Bảo vệ thương hiệu.
37	CSDL Hành nghề Y, Dược tư nhân	Bộ y tế	Sở Y tế	Quản lý nghề y, dược tư nhân
II	NHÓM DỮ LIỆU NỘI BỘ TỈNH (DO TỈNH TẠO LẬP)			
38	Hồ sơ & Kết quả giải quyết TTHC	Hệ thống Một cửa tỉnh	Toàn tỉnh	Giải quyết TTHC liên thông.
39	Văn bản chỉ đạo điều hành	Văn phòng UBND	Toàn tỉnh	Quản lý văn bản, hồ sơ công việc.
40	Danh mục dùng chung (Mã định danh)	Sở KH&CN	Toàn tỉnh	Đồng bộ mã xã, mã đơn vị.
41	Thông tin Hộ kinh doanh & HTX	Sở Tài chính	Cục Thuế, cấp xã	Quản lý thuế khoán.
42	Thông tin Quy hoạch	Cơ quan lập quy hoạch	Các Sở, ngành có liên quan, UBND cấp xã.	Cấp phép xây dựng, đất đai.
43	Thông tin Ngăn chặn giao dịch tài sản	Sở Tư pháp	Văn phòng Công chứng	Công chứng, chứng thực.
44	Sổ sức khỏe điện tử	Sở Y tế	Sở Y tế, Các Bệnh viện, cấp xã	Bệnh án điện tử.
45	Chỉ tiêu Kinh tế - xã hội (Real-time)	Cục Thống kê	Trung tâm điều hành thông minh (IOC) Tỉnh	Chỉ đạo điều hành.
46	Dữ liệu Camera giám sát (Giao thông/An ninh)	Công an tỉnh	Trung tâm điều hành thông minh (IOC) Tỉnh	Giám sát an ninh, giao thông.

C. DANH MỤC DỮ LIỆU MỞ (OPEN DATA)

Dữ liệu mở là tập hợp dữ liệu được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ. Dữ liệu được công bố rộng rãi, miễn phí trên Cổng Dữ liệu mở của tỉnh (Open Data Portal), định dạng máy có thể đọc được (XLS, CSV, JSON, XML, API) để người dân, doanh nghiệp, và lập trình viên có thể khai thác, tái sử dụng.

STT	Nhóm dữ liệu	Tên tập dữ liệu mở	Cơ quan công bố	Tần suất cập nhật
1	Quy hoạch và Đất đai	Bản đồ Quy hoạch/Kế hoạch sử dụng đất (chi tiết đến cấp xã).	Sở Nông nghiệp và Môi trường	(Chu kỳ 10 năm/lần)
2		Bảng giá đất tỉnh Hưng Yên.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	(Công bố lần đầu ngày 01/01/2026 và khi thay đổi)
3	Xây dựng và Đô thị	Bản đồ Quy hoạch (Chung/Phân khu/Chi tiết).	Cơ quan lập quy hoạch.	Khi phê duyệt
4		Thông tin Dự án nhà ở, Bất động sản đủ điều kiện kinh doanh.	Sở Xây dựng	Hàng quý
5	Kinh tế và Đầu tư	Danh sách Hộ kinh doanh, Hợp tác xã (Tên, địa chỉ, ngành nghề).	Sở Tài chính	Hàng tháng
6		Danh mục dự án mời gọi đầu tư.	Sở Tài chính	Hàng quý
7		Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.	Sở Tài chính	Hàng tháng
8		Giá cả thị trường hàng ngày (Nông sản, VLXD).	Sở Tài chính	Hàng tuần
9	Giáo dục	Mạng lưới trường học, cơ sở giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Hàng năm
10		Chỉ tiêu tuyển sinh đầu cấp.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Hàng năm
11	Y tế	Danh sách Bệnh viện, Phòng khám, Nhà thuốc đạt chuẩn.	Sở Y tế	Hàng quý
12		Thông tin dịch bệnh (không chứa thông tin cá nhân).	Sở Y tế	Theo sự kiện
13	Giao thông	Mạng lưới giao thông đường	Sở Xây dựng	Hàng năm

		bộ (Tỉnh lộ, đường xã).		
14		Luồng tuyến xe buýt, xe khách.	Sở Xây dựng	Khi thay đổi
15	Văn hóa - Du lịch	Danh sách Di tích, Lễ hội, Sự kiện văn hóa.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hàng năm
16		Điểm đến du lịch, Cơ sở lưu trú.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hàng quý
17	Môi trường	Kết quả quan trắc môi trường (Không khí, Nước).	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thời gian thực
18		Danh sách nguồn thải lớn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hàng năm
19	Pháp lý và Hành chính	Bộ Thủ tục hành chính (Phí, lệ phí, Thời gian).	Trung tâm Phục vụ HCC	Khi thay đổi
20		Danh sách Tổ chức hành nghề Luật, Công chứng.	Sở Tư pháp	Hàng quý
22	Khoa học Công nghệ	Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ (kết quả tóm tắt).	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm